TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 798/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T** – sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Chị M, anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau; cuộc sống chung không hòa hợp, chị và anh T hiện đã ly thân. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định, giữa chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại đơn yêu cầu ngày 11/02/2019, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất với nội dung khởi kiện của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, theo đó:

Về hôn nhân: Anh và chị M chung sống với nhau từ năm 2007; hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh xác định, giữa anh và chị M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Anh xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị M không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, văn bản yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thanh T có nơi trú tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh T. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn " theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chị M là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị M là nguyên đơn, anh T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị M và anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007, chị M và anh T sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị M, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Chị M và anh T đều xác định thời gian chung sống, anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị M và anh T đều xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008958 ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị Nguyễn Thị M không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.